



QUY ĐỊNH VỀ QUYỀN TÀI SẢN TRONG LUẬT QUYỀN TÀI SẢN CỦA TRUNG QUỐC VÀ GỢI Ý ĐỐI VỚI VIỆT NAM TRONG ĐIỀU KIỆN HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

PGS. TS Nguyễn Thường Lạng*

1. Một số hình thức sở hữu trong Luật Quyền tài sản

Luật Quyền tài sản ở Trung Quốc tạo dựng được khung pháp lý quan trọng và có hệ thống để điều chỉnh toàn diện các quan hệ liên quan đến quyền về tài sản bao gồm bất động sản và động sản của các chủ sở hữu. Đây là căn cứ pháp lý để xác lập, thay đổi, chuyển nhượng, định đoạt và bảo hộ quyền về tài sản của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường ở Trung Quốc, hình thành một hệ thống các giao dịch mới liên quan đến quyền đối với tài sản dựa vào các quy định pháp luật, góp phần xây dựng một xã hội “pháp trị” thay thế dần xã hội “nhân trị” ở Trung Quốc. Nghĩa là bên cạnh việc bảo hộ quyền tài sản hợp pháp của các chủ sở hữu và chủ các quyền tài sản, Luật Quyền tài sản Trung Quốc còn góp phần quan trọng vào việc thúc đẩy quá trình chuyển đổi bản chất xã hội của xã hội Trung Quốc.

Hạt nhân cơ bản của Luật Quyền tài sản của Trung Quốc là việc quy định chi tiết và rõ ràng các hình thức sở hữu tài sản, các quyền về tài sản cũng như cơ chế bảo hộ các hình thức sở hữu tài sản thông qua bảo hộ các quyền tài sản của chủ sở hữu. Luật Quyền tài sản quy định các hình thức sở hữu tài sản ở Trung Quốc bao gồm sở hữu nhà nước, sở hữu tập thể, sở hữu tư nhân, sở hữu chung, sở hữu hỗn hợp, sở hữu từng phần, đồng sở hữu... Các hình thức sở hữu này gắn trực tiếp với tài sản và các quyền năng cơ bản phát sinh từ quyền sở hữu là quyền chiếm hữu, quyền sử dụng, quyền thu lợi và quyền định đoạt. Mỗi loại quyền năng này có những vị trí và vai trò nhất định trong việc xác định các quy định pháp lý tương ứng và chúng có thể cũng thống nhất trong một chủ sở hữu hoặc tách rời giữa các

* Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.

chủ thể có liên quan đến tài sản. Các tài sản và quyền tài sản thuộc phạm vi điều chỉnh của luật gồm có bất động sản và động sản. Các quyền về tài sản trí tuệ và tài sản tài chính không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật này.

Nhìn tổng thể, cách phân định các hình thức sở hữu theo Luật Quyền tài sản của Trung Quốc được căn cứ vào chủ thể sở hữu tài sản và chủ thể có các quyền năng về tài sản, đối tượng sở hữu và phương thức thực hiện sở hữu. Từ cách xem xét đó, Luật Quyền tài sản của Trung Quốc đã được xây dựng khá cụ thể cho các chủ thể, đối tượng, phương thức thực hiện các tài sản bao gồm bất động sản và động sản. Luật đã chế định hoá các quyền tài sản là quan hệ phát sinh từ quan hệ sở hữu về tài sản của các chủ thể. Đây là quá trình thể chế hoá và pháp luật hoá những nguyên tắc của nền kinh tế thị trường vào hệ thống pháp lý để bảo vệ tài sản và quyền tài sản của chủ sở hữu tài sản và chủ các quyền tài sản...

Về sở hữu nhà nước, Luật Quyền tài sản Trung Quốc đồng nhất sở hữu nhà nước, sở hữu công cộng và sở hữu toàn dân. Tuy nhiên, khái niệm sở hữu nhà nước vẫn được coi hình thức sở hữu chủ đạo ở Trung Quốc. Các hình thức sở hữu khác là những hình thức sở hữu xoay quanh hình thức sở hữu chủ đạo này. Tuy nhiên, khái niệm sở hữu nhà nước được sử dụng chủ yếu, phổ biến và xuyên suốt đạo luật. Gắn với việc xác định vai trò chủ đạo của hình thức sở hữu này, Luật khẳng định Nhà nước Trung Quốc có vai trò củng cố và phát triển kinh tế công hữu (nhà nước) đồng thời cũng khuyến khích, hỗ trợ và dẫn dắt kinh tế phi nhà nước phát triển. Các tài sản do pháp luật quy định thuộc sở hữu nhà nước sẽ thuộc sở hữu nhà nước hoặc toàn dân. Các loại tài sản thuộc sở hữu nhà nước bao gồm tài nguyên khoáng sản, nguồn nước và vùng biển, đất đô thị, đất đai thuộc khu vực nông thôn và ngoại thành được quy định thuộc sở hữu nhà nước. Bên cạnh đó còn có các nguồn tài nguyên thiên nhiên như rừng, đồi núi, đồng cỏ, đất bỏ hoang và đất ngập nước thuộc sở hữu nhà nước trừ những trường hợp thuộc sở hữu tập thể do Nhà nước quy định. Các nguồn động vật hoang dã, các nguồn phát sóng dài tần đài phát thanh, các di tích văn hoá được pháp luật quy định thuộc sở hữu nhà nước, các tài sản quốc phòng, cơ sở hạ tầng như đường sắt, đường cao tốc, hệ thống cung cấp điện năng, hệ thống viễn thông và đường ống dẫn dầu, khí đốt thuộc sở hữu nhà nước. Các cơ quan quản lý nhà nước có quyền chiếm hữu, sử dụng, định đoạt các loại tài sản do các cơ quan này trực tiếp quản lý phù hợp với quy định pháp luật và các quy định có liên quan của Hội đồng Nhà nước. Đối với các doanh nghiệp được thành lập bằng các nguồn vốn nhà nước thì Hội đồng Nhà nước và chính quyền nhân dân địa phương là người đại diện cho Nhà nước phải thực hiện các nghĩa vụ của người góp vốn và hưởng quyền và lợi ích theo quy định pháp luật. Luật khẳng định tài sản thuộc sở hữu nhà nước được pháp luật bảo hộ, không một tổ chức hoặc cá nhân nào được biến thủ, chiếm đoạt phi pháp, tư túi cá nhân hoặc phá huỷ chúng. Để bảo toàn tài sản thuộc sở hữu nhà nước, Luật quy định các định chế và cán bộ có nhiệm vụ quản lý và giám sát

các tài sản thuộc sở hữu nhà nước phải bảo toàn và làm tăng được giá trị các tài sản, hạn chế được các khoản lỗ. Bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào làm thất thoát tài sản thuộc sở hữu nhà nước do không thực hiện đúng thẩm quyền hoặc do không hoàn thành trách nhiệm phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Về sở hữu tập thể, Luật quy định các đối tượng thuộc sở hữu tập thể gồm có đất đai, rừng, đồi núi, thảm cỏ, đất bỏ hoang và đất ngập mặn, các công trình xây dựng, cơ sở sản xuất, đất trang trại, các thiết bị bảo vệ nguồn nước, các cơ sở giáo dục, khoa học, văn hoá, vệ sinh và thể thao... thuộc sở hữu tập thể. Các loại bất động sản và động sản thuộc sở hữu của tập thể nông dân thuộc sở hữu tập thể của các thành viên trong tập thể. Luật quy định các vấn đề cần sự quyết định của tập thể theo thủ tục pháp luật quy định như kế hoạch giao đất và vấn đề giao khoán đất cho tổ chức hoặc cá nhân, việc điều chỉnh đất giao khoán giữa các chủ sử dụng đất, phương pháp sử dụng và phân bổ các loại phí bồi thường đất đai, việc chuyển đổi quyền sở hữu hoặc vấn đề liên quan đến doanh nghiệp thành lập bằng vốn tập thể... Quyền sở hữu tập thể được thể chế hoá thành các quy định cụ thể. Nếu tài sản được sở hữu bởi tập thể nông dân trong xã thì quyền sở hữu được thực hiện thông qua các tổ chức kinh tế tập thể hoặc đại diện của dân cư trong xã. Nếu tài sản được sở hữu bởi hai hoặc nhiều tập thể nông dân thì quyền sở hữu được thực hiện thông qua các tổ chức kinh tế hoặc các nhóm dân cư của xã là đại diện cho tập thể. Còn nếu tài sản thuộc sở hữu của tập thể nông dân ở thị trấn, thị tứ thì quyền sở hữu được thực hiện thông qua các tổ chức kinh tế tập thể của thị trấn, thị tứ đại diện cho tập thể đó. Tập thể ở thành thị có quyền chiếm hữu, sử dụng, thu lợi và định đoạt bất động sản và động sản đang sở hữu phù hợp với pháp luật và các quy định hành chính. Đồng thời, tổ chức kinh tế tập thể, uỷ ban nhân dân xã hoặc ban lãnh đạo xã phải công bố công khai các loại tài sản thuộc sở hữu tập thể theo quy định. Tài sản thuộc sở hữu tập thể được luật pháp bảo hộ và không một tổ chức hoặc cá nhân nào được biến thủ, gian lận, tư túng cá nhân, chiếm đoạt hoặc phá hỏng. Nếu quyết định của tổ chức kinh tế tập thể, uỷ ban nhân dân xã hoặc cá nhân có thẩm quyền xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của các thành viên trong tập thể thì các thành viên bị vi phạm đó được quyền đề nghị toà án thu hồi quyết định.

Về sở hữu tư nhân, Luật đề cập khá đa dạng đến các đối tượng tài sản sở hữu tư nhân. Phạm trù tài sản tư nhân và tài sản cá nhân được Luật đề cập tương đồng nhau. Đây là hình thức sở hữu cực kỳ quan trọng, được Luật quy định khá chi tiết. Trước hết, Luật khẳng định cá nhân có đủ tư cách pháp lý để sở hữu thu nhập hợp pháp, cơ sở sản xuất, đồ dùng gia đình, tư liệu sản xuất, nguyên vật liệu và các bất động sản và động sản khác. Các khoản tiết kiệm, đầu tư hợp pháp và các khoản thu nhập tương ứng của cá nhân được pháp luật bảo hộ. Nhà nước bảo hộ quyền thừa kế và các quyền và lợi ích hợp pháp khác của cá nhân và tài sản cá nhân được pháp luật bảo hộ, không được một tập thể hoặc cá nhân nào được xâm phạm, chiếm đoạt hoặc phá hỏng.

Các bất động sản hoặc động sản thuộc sở hữu nhà nước, tập thể hoặc cá nhân khi được sử dụng đầu tư vào doanh nghiệp thì người góp vốn sẽ được hưởng các quyền lợi như thu lợi từ tài sản, tham gia vào việc ra quyết định quan trọng và chọn người điều hành, thực hiện các nghĩa vụ theo thoả thuận hoặc theo mức góp vốn. Pháp nhân doanh nghiệp có quyền chiếm hữu, sử dụng, thu lợi và định đoạt bất động sản và động sản thuộc sở hữu theo quy định pháp luật, quy định hành chính và điều lệ của hiệp hội. Bất động sản và động sản thuộc sở hữu của các tổ chức xã hội theo quy định pháp luật được pháp luật bảo hộ.

Về sở hữu từng phần, Luật đề cập đến hình thức sở hữu này gắn với các quyền của chủ sở hữu trong khu chung cư. Chủ sở hữu chỉ có quyền chiếm hữu, sử dụng, thu lợi và định đoạt đối với các phần diện tích sử dụng riêng trong các khu chung cư như nhà ở hoặc nhà sử dụng vào mục đích kinh doanh. Các chủ sở hữu có quyền sở hữu chung và quyền quản lý chung đối với phần diện tích sử dụng chung. Luật còn quy định khá chi tiết vai trò của các chủ sở hữu đối với các tuyến đường, bãi đỗ xe, vấn đề quản lý khu chung cư và quan hệ liên kề trong khu chung cư...

Về sở hữu chung, Luật đề cập đến hai hình thức pháp lý là đồng sở hữu đa chủ và sở hữu hỗn hợp. Hình thức đồng sở hữu đa chủ quy định một bất động sản hoặc động sản thuộc sở hữu chung của nhiều chủ sở hữu thì các đồng chủ sở hữu đó sẽ thực hiện sự sở hữu của mình đối với động sản và bất động sản trong phạm vi sở hữu của mình. Hình thức sở hữu hỗn hợp đối với bất động sản hoặc động sản thuộc sở hữu chung quy định việc thực hiện sự sở hữu của các chủ sở hữu trên cơ sở cùng chung sở hữu. Sự khác nhau về hình thức pháp lý của hai loại hình sở hữu này sẽ ảnh hưởng đến quá trình ra quyết định liên quan đến bất động sản và động sản thuộc đồng sở hữu đa chủ hoặc sở hữu hỗn hợp. Khi định đoạt hoặc tiến hành sửa chữa lớn bất động sản hoặc động sản thuộc sở hữu chung cần có sự nhất trí của 2/3 số đồng chủ sở hữu trong đồng sở hữu đa chủ hoặc sự nhất trí của tất cả các chủ sở hữu trong sở hữu hỗn hợp. Việc quy định hai hình thức pháp lý của sở hữu này còn ảnh hưởng đến việc thực hiện có hiệu quả các quyền và nghĩa vụ của các chủ sở hữu đối với tài sản có liên quan.

Bên cạnh đó, Luật còn có các quy định đặc biệt về xác lập quyền sở hữu, vấn đề xử lý các tài sản bị mất tìm lại được, tài sản trôi dạt và tài sản cất giấu dưới đất, hoa màu trên đất, vấn đề thăm dò, khai thác mỏ, nguồn nước, vấn đề giao khoán đất đai ...

2. Một số gợi ý đối với Việt Nam

Những vấn đề đặt ra

Việt Nam đang trong quá trình chuyển từ nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, vấn đề bảo vệ tài sản và

quyền tài sản của các chủ sở hữu cần được quan tâm hàng đầu. Đây là vấn đề kinh tế quan trọng và có tính chất trung tâm nhằm xác lập được quyền sở hữu đối với các chủ thể và do đó sẽ xác lập được các quyền năng tiếp theo đối với tài sản. Việc làm này là điều kiện tiên quyết nhằm phát huy triệt để các tiện ích của tài sản hiện có của Việt Nam vào các giao dịch kinh tế, thúc đẩy có hiệu quả tăng trưởng và phát triển kinh tế. Việc chậm chế định hoá các quan hệ chiếm hữu, sử dụng, thu lợi, định đoạt hoặc các quyền năng khác liên quan đến sở hữu tài sản của các chủ thể dẫn đến hậu quả là làm lãng phí các loại tài sản trong nền kinh tế và khó có thể hoàn thiện được cơ chế quản lý các loại tài sản này phù hợp với các nguyên tắc của nền kinh tế thị trường. Đây còn là khía cạnh làm tăng tâm lý chần chừ, do dự trong hoạt động đầu tư của các chủ sở hữu tài sản, hạn chế lớn đến việc huy động khối lượng lớn tài sản trong nền kinh tế vào các hoạt động kinh doanh. Vấn đề chuyển đổi sở hữu và đa dạng hoá sở hữu ở Việt Nam là một vấn đề phức tạp liên quan cả về kinh tế, chính trị pháp luật và an ninh. Vì thế, các giải pháp đưa ra cần được cân nhắc thận trọng, bảo đảm chiều sâu và xử lý tối ưu các mối quan hệ giữa chính trị, kinh tế và an ninh để duy trì sự ổn định cả về kinh tế và chính trị. Thực tế quản lý kinh tế ở Việt Nam thời gian qua cho thấy, do thiếu thể chế pháp lý rõ ràng, cụ thể và hữu hiệu trong việc quy định về chủ sở hữu tài sản và chủ sở hữu các quyền về tài sản cho nên nhiều tài sản ở Việt Nam không xác định rõ chủ sở hữu và các chủ sở hữu cũng không xác định rõ quyền tài sản của mình mà hậu quả là xuất hiện tình trạng sử dụng kém hiệu quả, thua lỗ, lãng phí, tham nhũng... các loại tài sản đặc biệt là tài sản thuộc sở hữu nhà nước và sở hữu toàn dân. Kết quả kiểm toán nhà nước các tổng công ty - nơi tập trung nhiều nhất các loại tài sản thuộc sở hữu nhà nước thời gian gần đây cho thấy hầu hết các tổng công ty đều làm ăn thua lỗ. Điều đó có một nguyên nhân từ việc chưa phân định rõ trách nhiệm của chủ sở hữu tài sản là Nhà nước và chủ thực hiện các quyền về tài sản là người trực tiếp sử dụng khối lượng rất lớn các tài sản này. Đồng thời, do sự phân biệt không rạch ròi các quyền sở hữu tài sản và quyền của chủ thực hiện các quyền, cho nên quá trình thực hiện việc quản trị công ty có hiệu quả, đặc biệt là mô hình quản trị tập đoàn kinh tế lớn gặp rất nhiều lúng túng. Các tổng công ty được thành lập gần như là phép cộng tổng số của các công ty thành viên hơn là việc hình thành các mối quan hệ hữu cơ và sự hợp lực tối ưu giữa các chủ thể thực hiện một mục tiêu chiến lược đã được xác định. Các hình thức sở hữu tập thể và sở hữu tư nhân về tài sản và quyền tài sản đều đang trong giai đoạn vận hành khá sơ khai và chưa được bảo hộ bằng một thể chế pháp lý đồng bộ và rõ ràng. Nói cách khác, Việt Nam chưa có sự đột phá hữu hiệu về tư duy trong lĩnh vực phức tạp và có tính chất giao điểm của các quan hệ và giao dịch kinh tế thị trường.

Một trong những vấn đề đáng chú ý trong quá trình chuyển đổi sở hữu ở Việt Nam là việc điều chỉnh các quan hệ sở hữu về đất đai. Trong một thời gian dài, đất đai là loại tài sản quan trọng nhất trong nền kinh tế Việt Nam vẫn chưa có

cơ chế bảo hộ hữu hiệu. Cho nên tình trạng tranh chấp về đất đai cũng như tình trạng sử dụng lãng phí đất đai vẫn đang tồn tại. Quá trình chuyển đổi quyền sở hữu trong lĩnh vực đất đai được coi là bước đột phá quan trọng về quyền tài sản mặc dù vẫn còn nhiều vấn đề vướng mắc. Các quyền về đất đai ở Việt Nam đã được cụ thể hoá thành một hệ thống các quyền như quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, thừa kế, thế chấp, cho vay, cho vay lại, góp vốn liên doanh và tặng cho. Các quyền này được thể chế hoá và pháp luật hoá dựa trên một quá trình khá lâu dài qua việc tổng kết, phân tích và đánh giá thực tiễn liên quan đến đất đai và tranh chấp đất đai...

Việt Nam có quá trình đa dạng hoá sở hữu trong quá trình đổi mới kinh tế chuyển từ nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung với hai hình thức sở hữu là sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với sự đa dạng hoá sở hữu. Tư tưởng đa dạng hoá sở hữu được thể hiện khá rõ nét trong văn kiện Đại hội IX Đảng Cộng sản Việt Nam “Từ các hình thức sở hữu cơ bản: sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể và sở hữu tư nhân, hình thành nhiều thành phần kinh tế với những hình thức tổ chức kinh doanh đa dạng, đan xen, hỗn hợp”⁽¹⁾. Có thể nói, luận điểm này là sự thể hiện thành công của việc đổi mới tư duy quản lý ở Việt Nam trong quá trình chuyển từ nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung sang nền kinh tế thị trường. Luận điểm này đã đưa ra được cách nhìn nhận tổng quát về tính chất đa sở hữu ở Việt Nam, mặc dù có bước tiến khá quan trọng so với tư duy về sở hữu đơn nhất và duy nhất trước đó, song quan điểm này cần được tiếp tục phát triển trong điều kiện chuyển mạnh sang nền kinh tế thị trường, chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam hiện nay. Vấn đề là cần làm rõ các khía cạnh quan trọng như hình thức sở hữu cơ bản, sở hữu phái sinh, thành phần kinh tế, hình thức sở hữu, hình thức kinh doanh, sự đa dạng, tính chất đan xen và trạng thái hỗn hợp... của các yếu tố kinh tế, pháp lý... gắn với điều kiện cụ thể ở Việt Nam hiện nay. Đây cũng là khía cạnh để giảm thiểu việc sao chép máy móc kinh nghiệm của các nước để tiến hành điều chỉnh và xây dựng chế độ sở hữu về tài sản ở Việt Nam.

Một số gợi ý

Cần khai thác có hiệu quả áp lực của toàn cầu hoá kinh tế đối với việc điều chỉnh cơ cấu kinh tế, quá trình cải cách kinh tế liên tục và sâu rộng trong nước, xu hướng tự do hoá thương mại và yêu cầu bảo vệ và nâng cao hiệu quả các tiện ích của mọi loại tài sản trong nền kinh tế vào việc đa dạng hoá sở hữu ở Việt Nam theo hướng phát triển mạnh nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Các áp lực toàn cầu hoá bao gồm việc mở cửa thị trường, tuân thủ các nguyên tắc quốc tế trong các giao dịch kinh tế như nguyên tắc không phân biệt đối xử, nguyên tắc minh bạch và công bằng, bảo hộ tài sản của các nhà đầu tư nước ngoài, bảo hộ các chủ về quyền tài sản theo các nguyên tắc của nền kinh tế

thị trường, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế tổng hợp... Tận dụng triệt để áp lực toàn cầu hoá để điều chỉnh hệ thống luật pháp, quy định, sửa đổi cơ bản phương thức vận hành nền kinh tế và cách thức quản trị doanh nghiệp, tiếp cận những kinh nghiệm và kiến thức quản lý nền kinh tế thị trường của các nước cả thành công và thất bại để phát triển nền kinh tế thị trường Việt Nam. Đây cũng là những căn cứ pháp lý quan trọng để bảo hộ quyền tài sản hợp pháp đối với các chủ thể trong nền kinh tế Việt Nam trước áp lực toàn cầu hoá kinh tế.

Việt Nam cần phát triển mạnh tư duy pháp lý để thể chế hoá hệ thống các quy định của Việt Nam; phù hợp các nguyên tắc của nền kinh tế thị trường vào hoàn thiện hệ thống pháp lý liên quan đến tài sản của mọi công dân và tổ chức trong nền kinh tế. Trước hết, cần định hình rõ nét các hình thức và phương thức sở hữu tài sản và sở hữu các quyền về tài sản trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa mang tính đặc thù Việt Nam. Do nền kinh tế thị trường Việt Nam là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cho nên cần làm rõ bản chất xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế này, đặc biệt là khía cạnh sở hữu tài sản. Nền kinh tế tư bản chủ nghĩa là một nền kinh tế thị trường được coi như là một “đồng” hàng hoá khổng lồ (C. Mác) và rất cần sự bảo hộ quyền tài sản để khuyến khích mọi cá nhân làm giàu chính đáng. Khát vọng có nhiều tài sản và giàu có được coi như là một động lực mạnh nhất trong phát triển của loại hình tổ chức kinh tế này. Những kinh nghiệm đã được đúc rút của Trung Quốc trong Luật Quyền tài sản có thể là những gợi ý tham khảo quan trọng và căn cứ thực tiễn đối với Việt Nam mà trực tiếp là đối với việc quản lý tài sản của các chủ thể trong nền kinh tế. Cần tiếp tục đầu tư vào hoạt động nghiên cứu và phát triển, phân tích, tổng kết thực tiễn trong nước và quốc tế về quyền tài sản và hình thức sở hữu tài sản để phát hiện, chi tiết và chế định hoá, và pháp chế hoá các hình thức sở hữu đa dạng gắn với sự đa dạng của chủ thể sở hữu, đối tượng sở hữu, chủ sở hữu các quyền năng hoặc phương thức vận hành phù hợp với điều kiện của Việt Nam. Đây là việc tạo căn cứ pháp lý ổn định và vững chắc để xác lập, thay đổi, chuyển nhượng và chấm dứt các quyền liên quan đến sở hữu tài sản phù hợp với những nguyên tắc của kinh tế thị trường toàn cầu có tính đến những điều kiện đặc thù của Việt Nam. Có thể nói, những bước tiến trong việc cụ thể hoá quyền trên lĩnh vực đất đai ở Việt Nam thời gian qua, việc phát triển hình thức sở hữu cổ phần trong quá trình cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước, thị trường chứng khoán... có giá trị tham khảo hết sức quan trọng đối với việc hình thành những cách tiếp cận mới về quan hệ sở hữu ở Việt Nam đối với các lĩnh vực khác. Tuy nhiên, cũng cần đặt vấn đề phát triển đa dạng các hình thức sở hữu trước hết từ sở hữu tài sản và sở hữu về quyền tài sản gắn với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất như trình độ công nghệ, năng lực quản lý, khả năng cạnh tranh trong nước và quốc tế... của các chủ thể liên quan đến các hình thức sở hữu này theo đúng yêu cầu của quy luật quan hệ sản xuất phải phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.

Cần có quan điểm toàn diện và những đột phá trong tư duy hoạch định và điều hành chính sách kinh tế của nền kinh tế thị trường làm nền tảng cho sự phát triển tư duy pháp lý. Những thành công trong đổi mới nền kinh tế và cơ chế quản lý kinh tế hơn 20 năm qua là cơ sở thực tiễn vững chắc cần được tổng kết kỹ lưỡng để đề xuất các quan điểm mới trong xử lý vấn đề tài sản và quyền sở hữu tài sản. Trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế, đòi hỏi phải có những cách tiếp cận mới, rộng hơn trong phân tích và đánh giá đúng bản chất của các giao dịch kinh tế hiện nay của nền kinh tế Việt Nam, triệt để phát hiện những hình thức, biểu hiện mới và phương thức vận động mới, đa dạng và phong phú của các giao dịch kinh tế và pháp lý liên thông quốc tế nhằm nhanh chóng nắm bắt và vận dụng có hiệu quả chúng vào cải tạo thực tiễn.

CHÚ THÍCH

- ⁽¹⁾ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.96.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] *Văn kiện Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ IX, X* - NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội 2001; 2006.
- [2] Luật Quyền tài sản của Trung Quốc
- [3] Luật Đất đai
- [4] Luật Đầu tư